

Số: 3146/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 18 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 278/TTr-SNN&PTNT ngày 09/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND), với các nội dung chính sau:

**1. Giải thích từ ngữ**

a) Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia là việc sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho các đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tại Quyết định này gồm: (i) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; (ii) hỗ trợ phát triển sản

xuất cộng đồng; (iii) hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ; (iv) các nội dung hỗ trợ khác.

b) Vùng nguyên liệu tập trung là vùng sản xuất tập trung một hay một nhóm sản phẩm nông nghiệp cùng loại có quy mô phù hợp với từng loại hình sản xuất và điều kiện của mỗi địa phương, tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, có liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

c) Đơn vị chủ trì liên kết là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề xuất dự án liên kết để hợp tác với các cá nhân, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác, tổ chức đại diện nông dân để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Đối tượng liên kết là cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác, tổ chức đại diện nông dân.

đ) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được UBND cấp xã chứng thực; tổ khuyến nông cộng đồng do UBND cấp xã công nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi (trong đó tỷ lệ hộ không nghèo tham gia nhóm hộ, tổ, nhóm hợp tác tối đa là 30%). Người đại diện của cộng đồng dân cư là tổ trưởng, trưởng nhóm do các thành viên cộng đồng bầu ra và phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự để thay mặt cộng đồng dân cư ký kết hợp đồng.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, phân chia địa bàn áp dụng: Thực hiện theo Điều 1 và Điều 2 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

3. Nguyên tắc và phương thức hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 3 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

4. Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 4 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

5. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo Điều 5 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

6. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 6 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

b) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả: Hỗ trợ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số

20/2017/NQ-HĐND 19/7/2017 của HĐND tỉnh và 50.000 đồng/người/buổi đi thực địa (ngoài công tác phí theo chế độ quy định).

- Hỗ trợ tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương trong tỉnh, ngoài tỉnh: Hỗ trợ tối đa 100%, mức chi công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh; chi thuê xe theo thực tế; chi tiền công cho báo cáo viên theo quy định tại Nghị quyết số 52/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh.

- Các nội dung khác: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 9 theo Điều 5 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

Tổng mức chi phí thực hiện các nội dung hỗ trợ cho một dự án: Ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 95% tổng chi phí thực hiện một dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn, không quá 80% tổng chi phí thực hiện một dự án trên địa bàn khó khăn, không quá 60% tổng chi phí thực hiện một dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các CTMTQG và không quá 3.000 triệu đồng/dự án; phần còn lại do ngân sách địa phương đảm bảo và tham gia đối ứng của đối tượng hưởng lợi

#### 7. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 7 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

#### b) Mức hỗ trợ:

- Áp dụng các mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này để xây dựng dự án.

- Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một dự án tối đa 100% nhưng không quá 3.000 triệu đồng (trên tất cả các địa bàn). Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật). Ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua bên được giao nhiệm vụ/nhận đặt hàng.

8. Nội dung và mức hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất khác: Thực hiện theo Điều 8 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

#### 9. Lập, phân bổ, thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ

#### a) Lập, phân bổ dự toán kinh phí

- Các Sở, ngành có liên quan được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong các chương trình mục tiêu quốc gia và UBND cấp huyện xây dựng dự toán kinh phí gửi về các Sở, ngành liên quan được giao chủ trì tham mưu các chương trình mục tiêu quốc gia (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, Ban Dân tộc) theo thời gian quy định trong lập kế hoạch của từng Chương trình MTQG để tổng hợp, gửi Sở Tài chính để đưa vào dự toán ngân sách Nhà nước hằng năm theo các quy định hiện hành.

- Nguồn kinh phí: Thực hiện theo Điều 10 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND.

b) Thanh, quyết toán kinh phí

- Các dự án thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định này từ nguồn kinh phí sự nghiệp các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo hình thức hình thành dự án đầu tư nên không thuộc phạm vi điều chỉnh theo điểm b, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn từ các chương trình dự án khác; tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Phương thức thanh toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất được thực hiện qua hợp đồng giữa cơ quan được giao vốn (gọi chung là chủ đầu tư) và đại diện chủ trì liên kết/đại diện cộng đồng dân cư/đại diện đơn vị được giao nhiệm vụ, đặt hàng/đại diện tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ; căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng quý, từng năm, từng giai đoạn hoặc cả chu kỳ dự án để chi trả theo tiến độ.

Phương thức hỗ trợ (trước đầu tư hoặc sau đầu tư) do chủ đầu tư thỏa thuận với chủ trì liên kết/đại diện cộng đồng dân cư/đại diện đơn vị được giao nhiệm vụ, đặt hàng/đại diện tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ trong hợp đồng để đảm bảo hiệu quả trong sử dụng vốn, đảm bảo khối lượng theo giai đoạn và tiến độ giải ngân theo quy định, không để thất thoát, lãng phí. Các nội dung hỗ trợ về nhãn hiệu, đăng ký kiểu dáng công nghiệp được thanh toán hỗ trợ khi có văn bản chấp nhận đơn hợp lệ của cấp có thẩm quyền (kể cả các nội dung hỗ trợ nhãn hiệu, đăng ký kiểu dáng công nghiệp của các Nghị quyết liên quan được áp dụng tại khoản 2, Điều 11 Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND). Riêng hỗ trợ mua máy móc, thiết bị phục vụ dự án cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại và ngành nghề nông thôn là hỗ trợ sau đầu tư.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong các chương trình mục tiêu quốc gia chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo đúng cơ chế, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của các chương trình mục tiêu quốc gia và quy định tại Quyết định này.

- Các đối tượng được hỗ trợ sau đầu tư, sau khi hoàn thành các nội dung đầu tư, có văn bản đề nghị cơ quan, địa phương có liên quan tổ chức nghiệm thu, hỗ trợ kinh phí theo quy định.

Thành phần hồ sơ hỗ trợ sau đầu tư gồm:

+ Văn bản đề nghị nghiệm thu.

+ Dự án, dự toán kinh phí hỗ trợ được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

+ Hợp đồng, biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng; các hóa đơn chứng từ cụ thể liên quan đến nội dung được hỗ trợ.

+ Các hồ sơ tài liệu có liên quan đến điều kiện hỗ trợ cho từng nội dung hỗ trợ được quy định tại Quyết định này.

**Điều 2.** Quy định số hộ dân tối thiểu tham gia các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

- Liên kết trong trồng trọt: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 15 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khó khăn, tối thiểu 20 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khác.

Riêng đối với liên kết trồng cây dược liệu: Tối thiểu 15 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khó khăn và địa bàn khác.

- Liên kết trong chăn nuôi: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với tất cả các địa bàn.

- Liên kết trong thủy sản: Tối thiểu 05 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khó khăn và địa bàn khác.

- Liên kết trong lâm nghiệp: Tối thiểu 20 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 15 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khó khăn, tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khác.

- Liên kết trong sản xuất nấm: Tối thiểu 05 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với tất cả các địa bàn.

2. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và hoạt động hỗ trợ sản xuất theo nhiệm vụ: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia/01 dự án (tất cả các địa bàn).

3. Hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị làng nghề: Tối thiểu 10 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, tối thiểu 15 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khó khăn, tối thiểu 20 hộ dân tham gia liên kết/01 dự án đối với địa bàn khác.

Khuyến khích các địa phương hỗ trợ các dự án có nhiều hộ dân tham gia cao hơn mức hộ dân tham gia tối thiểu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 nêu trên. Các đối tượng áp dụng tại Quyết định này đã được hỗ trợ tại dự án liên kết theo chuỗi giá trị thì không được hỗ trợ tại dự án phát triển sản xuất cộng đồng, dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, hoạt động phát triển sản xuất khác và ngược lại.

**Điều 3.** Ủy quyền một số nội dung trong các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Ủy quyền trong thẩm định, phê duyệt các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Đối với hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

- Đối với Sở, ngành, đơn vị của tỉnh (được phân bổ nguồn vốn thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia): Ủy quyền cho Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị của tỉnh: (i) Thành lập Hội đồng và bộ phận giúp việc Hội đồng thẩm định các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và (ii) thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện trên địa bàn tỉnh (bao gồm dự án trên địa bàn 01 huyện hoặc liên huyện).

- Đối với các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) được phân bổ nguồn vốn thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia: (i) Ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập Hội đồng và bộ phận giúp việc Hội đồng thẩm định các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý và (ii) thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có phạm vi thực hiện trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố (bao gồm dự án trên địa bàn liên xã/thị trấn hoặc trên địa bàn 01 xã/thị trấn).

b) Đối với hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Ủy quyền cho Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị của tỉnh (được phân bổ nguồn vốn các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia): (i) thành lập Hội đồng, bộ phận giúp việc Hội đồng thẩm định các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và (ii) tổ chức thẩm định, phê duyệt các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện trên địa bàn tỉnh (bao gồm dự án trên địa bàn 01 huyện hoặc liên huyện).

2. Ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật trong nông nghiệp cho phù hợp với điều kiện từng vùng trên địa bàn tỉnh (đối với những nội dung chưa được cấp có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật).

3. Ủy quyền Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với những cây trồng, con vật nuôi bản địa, đặc thù của địa phương nhưng chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cấp trên ban hành.

4. Thời gian ủy quyền khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này: Đến hết ngày 31/12/2025.

**Điều 4.** Cơ quan giao nhiệm vụ và cơ quan được giao nhiệm vụ để thực hiện hoạt động sản xuất theo nhiệm vụ

1. Cơ quan giao nhiệm vụ: Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện được bố trí kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia. Cơ quan giao nhiệm vụ quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị được giao nhiệm vụ; hướng dẫn, giám sát, thanh toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đơn vị được giao nhiệm vụ

Trung tâm Khuyến nông tỉnh (đối với dự án cấp tỉnh thực hiện);  
 Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp cấp huyện (đối với dự án cấp huyện thực hiện);  
 Đơn vị sự nghiệp khác có liên quan.

**Điều 5.** Trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

*(Chi tiết theo Phụ lục I, trong đó có các mẫu: Mẫu 1, Mẫu 2, Mẫu 3, Mẫu 4, Mẫu 5, Mẫu 6, Mẫu 7, Mẫu 8, Mẫu 9, Mẫu 10, Mẫu số 11).*

2. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

*(Chi tiết theo Phụ lục II, trong đó có các mẫu: Mẫu số 12, Mẫu số 13, Mẫu số 14, Mẫu số 15).*

3. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

*(Chi tiết theo Phụ lục III, trong đó có các mẫu: Mẫu số 16, Mẫu số 17, Mẫu số 18).*

4. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất khác

*(Chi tiết theo Phụ lục IV).*

### **Điều 6. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện**

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, giúp người dân hiểu rõ mục đích ý nghĩa, nội dung cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án từ khi lập kế hoạch cho đến khâu giám sát thực hiện, đảm bảo công khai dân chủ, quản lý chặt chẽ, có hiệu quả. Xây dựng, ban hành kế hoạch, nội dung tuyên truyền sâu rộng, thiết thực, cụ thể về chính sách, tập trung vào các nội dung: Sự cần thiết, nội dung, mức của chính sách hỗ trợ; tuyên truyền, tham quan các dự án hiệu quả để nhân rộng, qua đó giúp người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp nắm bắt kịp thời, đầy đủ thông tin về chính sách để các đối tượng được hỗ trợ tích cực tham gia thực hiện.

2. Quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tạo điều kiện cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, cơ giới hóa, tưới tiêu khoa học, nhằm thuận lợi cho việc tổ chức sản xuất khi thực hiện liên kết; rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, quy hoạch vùng huyện, trong đó có nội dung về quy hoạch sản xuất; mở rộng diện tích các cánh đồng lớn, cánh đồng kỹ thuật, cánh đồng có thu nhập cao để triển khai việc liên kết sản xuất gắn với cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc. Vận động, hướng dẫn các hợp tác xã tập trung, tích tụ ruộng đất để liên kết sản xuất với các doanh nghiệp.

3. Thực hiện nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo có hiệu quả, phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng, xây dựng các dự án cho chính cộng đồng đề xuất để hỗ trợ theo nhu cầu; triển khai mô hình hợp tác liên kết giữa các đối tượng thực hiện dự án với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu

thụ sản phẩm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ gắn với Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

4. Thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm cho các đối tượng nghèo, cận nghèo giai đoạn 2021-2025, bảo đảm huy động đầy đủ kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định, tăng cường huy động hợp pháp của doanh nghiệp và tham gia đóng góp của người dân, đối tượng hưởng lợi. Chú trọng lồng ghép các nguồn vốn về phát triển sản xuất trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn vốn khuyến nông, khuyến công; vốn đầu tư kiên cố hóa kênh mương, thủy lợi nhỏ, thủy lợi hóa đất màu; vốn hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết 45/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết 25/2021/NQ-HĐND tỉnh, Nghị quyết 35/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết 17/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND,... và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Tập trung đào tạo nghề, tập huấn kiến thức kỹ thuật sản xuất, bảo quản, chế biến theo sản phẩm mà người dân đã lựa chọn, hướng họ tham gia vào sản xuất hàng hóa có thu nhập cao để đảm bảo sự phát triển bền vững. Tăng cường tập huấn kỹ thuật, phổ biến kiến thức cho nông dân tham gia liên kết; chú trọng các quy trình sản xuất tạo ra sản phẩm an toàn. Khuyến khích, hỗ trợ theo các quy định hiện hành cho việc ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến; cải tiến và nâng cao chất lượng đồng bộ để đáp ứng các yêu cầu trong việc liên kết. Xây dựng các dự án khuyến nông, lâm, ngư để chuyển giao trực tiếp các tiến bộ kỹ thuật đến người sản xuất. Đẩy mạnh áp dụng các định mức kinh tế, kỹ thuật cho các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản, diêm nghiệp đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành (*các Quyết định số: 724/QĐ-BNN-KHCN ngày 9/3/2020; 663/QĐ-BNN-KHCN ngày 03/02/2021; 54/QĐ-BNN-KHCN ngày 09/01/2014; 3438/QĐ-BNN-KTHT ngày 05/9/2019...*); Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành (*Quyết định số 473/QĐ-SNN&PTNT ngày 16/9/2021*) và các văn bản hướng dẫn bổ sung các định mức kinh tế, kỹ thuật có liên quan của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT trong trường hợp triển khai thực hiện các dự án về nông nghiệp chưa có định mức....; đối với các cây trồng, con vật nuôi đặc thù, bản địa chỉ có một số địa phương mới có thì UBND cấp huyện xem xét ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật để hỗ trợ cho phù hợp, nhằm duy trì, bảo tồn nguồn giống bản địa.

6. Đẩy mạnh việc kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân trong việc ký kết hợp đồng có điều kiện ràng buộc, bảo đảm quyền lợi giữa hai bên, nhằm xây dựng mối liên kết sản xuất, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm bền vững. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng liên kết để có giải pháp can thiệp, xử lý cho phù hợp, đảm bảo lợi ích của người nông dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn việc thành lập mới các hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 để hợp tác xã là cầu nối quan trọng trong chuỗi liên kết sản xuất, hợp tác xã kết nối và đại diện cho các thành viên ký kết hợp đồng với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa; hỗ trợ xây dựng các dự án nhằm hình thành hợp tác xã ở các địa bàn miền núi để tổng kết, nhân rộng. Chú trọng xây



dựng các dự án phát triển sản xuất trong các lĩnh vực: Trồng trọt, dược liệu, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, ngành nghề nông thôn...

*(Kèm theo Phụ lục V định hướng một số dự án ưu tiên triển khai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 trong các Chương trình mục tiêu quốc gia).*

7. Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện giám sát và đánh giá dự án được thực hiện một cách dân chủ, công khai, minh bạch nhằm phát huy mạnh mẽ tính chủ động sáng tạo của người dân và cộng đồng. Tăng cường và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ phát triển sản xuất để giảm nghèo ở cấp xã, huyện, đặc biệt là các xã nghèo, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò của tổ khuyến nông cộng đồng, gắn kết thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất với thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo cho cơ sở chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành quản lý các hoạt động của các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

8. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác hướng dẫn lập dự án đề nghị hỗ trợ; tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng thương thảo, ký kết các hợp đồng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hợp đồng liên kết; kịp thời phát hiện, xử lý các vướng mắc, phát sinh. Thường xuyên tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh những bất cập, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách; chú trọng công tác sơ kết, tổng kết đánh giá các dự án; chỉ đạo thực hiện tốt công tác cải cách hành chính để giúp doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tiếp cận với cơ chế, chính sách tại Quyết định này để thực hiện việc tổ chức sản xuất.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh theo dõi, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định.

b) Xây dựng kế hoạch và phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các hợp phần phát triển sản xuất của 02 Chương trình mục tiêu quốc gia còn lại (giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi) để thực hiện các nội dung hoạt động sản xuất có liên quan tại Quyết định này; hỗ trợ kêu gọi các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia thực hiện liên kết chuỗi giá trị; tổ chức kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và đề xuất hướng xử lý nếu chủ trì liên kết hoặc đối tượng liên kết vi phạm hợp đồng.

c) Hướng dẫn các địa phương áp dụng các quy trình kỹ thuật, các định mức kinh tế - kỹ thuật để thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất được hiệu quả. Thường xuyên cập nhật các định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành để hướng dẫn các địa phương thực hiện cho phù hợp, nhất là các định mức kinh tế - kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nano.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, tập huấn, hướng dẫn, giám sát các ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất có liên quan thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được giao quản lý; tổng hợp chung các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong thực hiện để tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến thống nhất để giải quyết và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh.

## 2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Tài chính thẩm định) phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện các nội dung hoạt động sản xuất có liên quan tại Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, hướng dẫn, giám sát các ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất có liên quan thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo được giao quản lý; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý; tổ chức sơ kết, tổng kết các hoạt động phát triển sản xuất trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

## 3. Ban Dân tộc tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Tài chính thẩm định) phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi để thực hiện các nội dung hoạt động sản xuất có liên quan tại Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, hướng dẫn, giám sát các ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất có liên quan thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi được giao quản lý; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý; tổ chức sơ kết, tổng kết các hoạt động phát triển sản xuất trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.

## 4. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách tỉnh hằng năm để thực hiện các nội dung hỗ trợ tại Quyết định này, trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ban Dân tộc tỉnh.

b) Hướng dẫn các Sở, ngành và địa phương thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được giao theo đúng quy định hiện hành.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh tham mưu UBND tỉnh cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP đã được UBND tỉnh chỉ đạo tại Công văn số 6549/UBND-KTTH ngày 06/10/2022.

#### 5. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương, các chủ trì liên kết xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đăng ký nhãn hiệu, đăng ký nhãn hiệu tập thể, đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký kiểu dáng công nghiệp theo quy định; lồng ghép hỗ trợ nguồn vốn từ các nội dung khoa học công nghệ để thực hiện các nội dung hỗ trợ liên quan.

#### 6. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể liên quan triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng để tích cực triển khai thực hiện Quyết định này.

#### 7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại cùng thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi trong nông nghiệp, nông thôn, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân tiếp cận các nguồn vốn phục vụ phát triển sản xuất.

- Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Quảng Nam đẩy mạnh việc thực hiện cho vay theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 để thực hiện cơ chế tại Quyết định này.

#### 8. Các Sở, ngành liên quan: Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Đối với các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh được giao chủ đầu tư thực hiện các dự án, tiểu dự án trong các chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định; khi kết thúc dự án tổ chức Hội đồng đánh giá hiệu quả dự án, nghiệm thu kết quả dự án. Đồng thời, chỉ đạo tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

#### 9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Hội, đoàn thể các cấp phối hợp truyền thông, thông tin tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện tốt các nội dung quy định tại Quyết định này.

## 10. UBND cấp huyện, thị xã, thành phố

a) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung và định mức hỗ trợ tại Quyết định này để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện; chỉ đạo UBND các xã xây dựng Đề án phát triển kinh tế nông thôn tổng hợp để có cơ sở lập các dự án ưu tiên thực hiện, trong đó cần ưu tiên chỉ đạo thực hiện hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có tính lan tỏa, có nhiều hộ dân tham gia, hướng đến các vùng sản xuất tập trung gắn với cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc; đối với dự án cộng đồng ưu tiên thực hiện các dự án có nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo, dự án do phụ nữ đề xuất tham gia.

b) Xây dựng, ban hành danh mục dự án phát triển sản xuất giai đoạn 2022-2025 ở cấp mình để làm cơ sở ưu tiên hỗ trợ hằng năm; phân công đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn thực hiện các dự án; thực hiện nghiệm thu, quản lý chặt chẽ nguồn kinh phí hỗ trợ và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện nội dung hỗ trợ theo Quyết định này.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã/chủ đầu tư lập, trình phê duyệt kế hoạch hỗ trợ hằng năm cho các dự án theo đúng quy định; tổng hợp kế hoạch của các xã trình UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch chung của cấp huyện; xây dựng kế hoạch để tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp huyện để thông qua dự án hỗ trợ kịp thời, đảm bảo quy trình, thời gian quy định, trong đó chú trọng chỉ đạo cơ quan chức năng ở huyện tham khảo theo giá thị trường các nội dung hỗ trợ có liên quan trên địa bàn tại cùng thời điểm trước khi họp Hội đồng thẩm định cấp huyện để quyết định trình UBND cấp huyện phê duyệt dự án, dự toán cho từng nội dung hỗ trợ chi tiết; tùy điều kiện năng lực của từng xã có thể ủy quyền Chủ tịch UBND xã phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng trên cơ sở ý kiến của Tổ thẩm định; tổ chức triển khai, nghiệm thu, đánh giá kết quả đảm bảo theo đúng quy trình quy định. Tăng cường kêu gọi các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia thực hiện liên kết chuỗi giá trị trên địa bàn.

d) Chỉ đạo Phòng Ban liên quan (nếu Phòng, Ban làm chủ đầu tư), UBND cấp xã thực hiện việc lập dự toán, quyết toán và kiểm tra phê duyệt quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước đối với nguồn vốn được giao theo quy định. Hằng năm, bố trí thêm kinh phí sự nghiệp kinh tế của ngân sách địa phương (*ngoài ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ*) để đối ứng theo quy định và thực hiện các dự án theo nhu cầu địa phương (*ưu tiên sử dụng nguồn sự nghiệp kinh tế của cấp huyện để hỗ trợ các dự án theo Quyết định này*); bố trí thêm ngân sách cấp huyện thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá dự án.

đ) Chỉ đạo UBND cấp xã triển khai thực hiện theo đúng trình tự thủ tục, mẫu hồ sơ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định tại Quyết định này và khoản 3, Điều 8 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP về trình tự lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng.

e) Chỉ đạo các Phòng, ban liên quan/Văn phòng Điều phối cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện các dự án do UBND cấp huyện phê duyệt. Định kỳ 6 tháng, 01 năm Phòng, ban liên

quan/Văn phòng Điều phối cấp huyện tiến hành kiểm tra định kỳ về tiến độ, kết quả thực hiện các dự án theo cấp quản lý. Kết thúc dự án, UBND cấp huyện thành lập hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng các Phòng, ban liên quan/Văn phòng Điều phối cấp huyện tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án (đối với dự án do UBND cấp huyện phê duyệt). Đồng thời, chỉ đạo tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Đối với các nội dung hỗ trợ: (i) Xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (VietGap, GlobalGAP, GMP, ISO, HACCP) quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết 07) (ii) Hỗ trợ xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cho các sản phẩm từ kinh tế vườn, kinh tế trang trại quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết 35): Được áp dụng theo nội dung và mức hỗ trợ có liên quan quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND theo cơ chế chi từ các nguồn vốn quy định tại Nghị quyết 07, Nghị quyết 35.

b) Đối với các nội dung hỗ trợ: (i) Đăng ký nhãn hiệu, đăng ký nhãn hiệu tập thể, đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký kiểu dáng công nghiệp quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND; (ii) Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nông sản từ vườn, trang trại quy định tại điểm f khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND; (iii) Hỗ trợ xác lập, phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm trong dự án/kế hoạch liên kết quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh: Được áp dụng theo nội dung và mức hỗ trợ có liên quan quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND theo cơ chế chi từ các nguồn vốn quy định tại Nghị quyết 07, Nghị quyết 35, Nghị quyết 17.

3. Những nội dung khác liên quan không quy định tại Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022, Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư của các Bộ, ngành là chủ chương trình, chủ dự án thành phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

**Điều 9.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng: Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh, Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế

- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh, Chương trình giảm nghèo tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 9;
- Các Bộ: NN và PTNT, LĐ-TB&XH, TC;
- Ủy ban Dân tộc;
- TT TU, HĐND, UBMT TQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCD các CTMTQG tỉnh;
- Chi cục PTNT;
- CPVP;
- Lưu VT, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2022\Quyết định\11 16 trien khai nghi quyet 24 của HDND tinh.doc



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Tuấn**

**Phụ lục I**  
**TRÌNH TỰ THỦ TỤC, MẪU HỒ SƠ THỰC HIỆN DỰ ÁN**  
**LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 18/11/2022*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

## **I. TRÌNH TỰ THỦ TỤC**

### **1. Bước 1: Khảo sát, xây dựng dự án**

UBND cấp huyện/các Sở, ngành, đơn vị cấp (nếu vốn được giao cho các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư) lựa chọn, kêu gọi các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có năng lực để tham gia làm chủ trì liên kết các dự án liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn (bằng các hình thức như gửi văn bản, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, công tác xúc tiến đầu tư của cấp huyện... hoặc qua tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu của các Sở, ngành của tỉnh).

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với địa phương (UBND cấp huyện, Phòng, ban liên quan và UBND xã)/các Sở, ngành, đơn vị cấp (nếu vốn được giao cho các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư) nơi dự kiến triển khai dự án tiến hành khảo sát. Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất của UBND cấp huyện/các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (được giao vốn) bằng văn bản, chủ trì dự án liên kết ký hợp đồng với các đối tượng tham gia liên kết, xây dựng dự án liên kết và làm đơn đề nghị hỗ trợ liên kết.

Nội dung hồ sơ đề xuất thực hiện dự án phải xác định rõ: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng liên kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án liên kết; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

### **2. Bước 2: Thẩm định dự án**

Chủ trì liên kết gửi hồ sơ đề xuất thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến UBND cấp huyện (UBND cấp huyện giao cho 01 Phòng/ban liên quan chủ trì để nhận hồ sơ) hoặc các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (được giao vốn) để xem xét, thẩm định.

Thành phần hồ sơ đề xuất: (i) Đơn đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất; (ii) Hợp đồng liên kết (Bản sao có chứng thực); (iii) Dự án liên kết; (iv) Bản sao có chứng thực của các chứng nhận hoặc cam kết về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; (v) Biên bản

thỏa thuận của đơn vị chủ trì liên kết (nếu có) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau.

UBND cấp huyện/các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (được giao vốn) thành lập Hội đồng thẩm định dự án liên kết theo chuỗi giá trị (Hội đồng) và Tổ giúp việc cho Hội đồng theo phân cấp. Có thể sử dụng Hội đồng này để tổ chức thẩm định cho tất cả các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn cấp huyện (nếu trong quyết định thành lập có quy định).

Thành phần Hội đồng bao gồm:

+ Đối với Hội đồng của các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (đối với dự án do Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư): Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh được phân bổ vốn; các thành viên là đại diện các Sở, ngành có liên quan: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Ban Dân tộc, đại diện địa phương (huyện, xã) nơi thực hiện dự án liên kết, đại diện cơ quan, đơn vị liên quan đến nội dung dự án và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác tham gia (nếu cần thiết).

+ Đối với Hội đồng cấp huyện: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo UBND cấp huyện; các thành viên là lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch và các Phòng, ban có liên quan, UBND cấp xã nơi có thực hiện dự án liên kết; tùy điều kiện, địa phương mời đại diện lãnh đạo Sở, ngành liên quan và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác tham gia (nếu cần thiết).

Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ trì liên kết, UBND cấp huyện/các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh được phân bổ vốn phải tổ chức họp thẩm định dự án liên kết.

Nội dung thẩm định dự án liên kết, phải: (1) Xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc kế hoạch liên kết; (2) Phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm; (3) Đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo; (4) Đảm bảo các nội dung khác có liên quan theo quy định tại Quyết định này (như nguyên tắc, phương thức, điều kiện hỗ trợ, nội dung, mức hỗ trợ.....).

### **3. Bước 3: Phê duyệt dự án**

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện/thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh được phân bổ vốn quyết định phê duyệt dự án liên kết.

Nội dung quyết định dự án liên kết bao gồm: Tên dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước chia rõ nguồn ngân sách các cấp, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách....);



nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án liên kết; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp huyện/thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh được phân bổ vốn quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho chủ trì liên kết biết hoàn thiện lại hoặc không thực hiện dự án.

UBND cấp huyện/Thủ trưởng Sở, ngành (nếu Sở, ngành chủ đầu tư) chỉ đạo cơ quan chức năng tham khảo, xác định giá để quyết định đơn giá hỗ trợ khi phê duyệt dự án, đảm bảo phù hợp với giá thị trường tại thời điểm phê duyệt và phù hợp với phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, không để thất thoát, lãng phí nguồn vốn đầu tư.

**4. Bước 4.** Cơ quan, đơn vị được giao vốn (chủ đầu tư) thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

**5. Bước 5.** Nghiệm thu, đánh giá kết quả, hiệu quả dự án và thanh lý hợp đồng theo quy định.

## **II. MẪU HỒ SƠ DỰ ÁN LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

1. Mẫu số 01: Mẫu Đơn đề nghị
2. Mẫu số 02: Mẫu Dự án liên kết
3. Mẫu số 03: Mẫu Bảng cam kết
4. Mẫu số 04: Mẫu Bảng thỏa thuận
5. Mẫu số 05: Mẫu Quyết định phê duyệt dự án liên kết
6. Mẫu số 06: Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định liên kết
7. Mẫu số 07: Mẫu Biên bản họp Hội đồng
8. Mẫu số 08: Mẫu Phiếu đánh giá dự án liên kết
9. Mẫu số 09: Mẫu Hợp đồng liên kết sản xuất
10. Mẫu số 10: Mẫu Hợp đồng thực hiện dự án liên kết.
11. Mẫu số 11: Mẫu quyết định phê duyệt danh mục dự án phát triển sản xuất trung hạn giai đoạn 2022-2025.

*(Tùy điều kiện, tính chất của từng dự án, từng nội dung đề nghị hỗ trợ, các đơn vị, địa phương cụ thể hóa các nội dung tại các Mẫu cho phù hợp nhưng cần đảm bảo các quy định hiện hành của Nhà nước)*

**Mẫu số 01****TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ  
ÁN LIÊN KẾT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****V/v hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện/Sở, ngành, đơn vị cấp  
tỉnh (được giao vốn) .....**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Chủ trì dự án liên kết:

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ: .....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....

2. Loại sản phẩm liên kết:.....

3. Đối tượng tham gia: .....

4. Tiến độ thực hiện: .....

5. Địa bàn thực hiện: .....

6. Quy mô liên kết:.....

**II. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN VÀ NỘI DUNG HỖ TRỢ**

1. Tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án liên kết:.....đồng.

Trong đó:

a. Vốn của Chủ trì Dự án liên kết:.....đồng

b. Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ:.....đồng

c. Vốn tham gia của bên liên kết:.....đồng

d. Vốn tín dụng ưu đãi:.....đồng

đ. Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách khác: .....

2. Nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

a. Hỗ trợ giống, vật tư:.....đồng

b. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp  
đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.....đồng.c. Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ  
thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ .....đồng

d. Vật tư xây dựng nhà xưởng, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch; máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sơ chế, chế biến, đóng gói và bảo quản sản phẩm: .....đồng.

đ. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.....đồng.

e. Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.....đồng.

g. Quản lý dự án.....đồng.

h. Các nội dung hỗ trợ khác có liên quan

3. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ.....đồng  
(Bằng chữ:.....).

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm, nhưng không quá 3 năm): .....

### III. CAM KẾT:

..... (tên chủ trì dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**IV. TÀI LIỆU KÈM THEO** (*liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm, gồm: Dự án liên kết; hồ sơ năng lực của Chủ trì dự án theo mẫu kèm theo; Phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; nội dung khác (nếu có) theo quy định của UBND cấp huyện .....* /).

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

**CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**  
(ký tên, đóng dấu)

**TÓM TẮT NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT  
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

<b>1. Tên tổ chức:</b>		
<i>Người đại diện theo pháp luật:</i>		
Năm thành lập:		
Địa chỉ:		
Website:		
Điện thoại:		Fax:
E-mail:		
<b>2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến dự án dự kiến đăng ký thực hiện</b>		
<b>3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức</b>		
<b><i>TT</i></b>	<b><i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i></b>	<b><i>Tổng số</i></b>
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
<b>4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện dự án</b>		
<b><i>TT</i></b>	<b><i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i></b>	<b><i>Số trực tiếp tham gia thực hiện dự án</i></b>
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
<b>5. Kinh nghiệm và thành tựu trong ít nhất 03 năm gần nhất liên quan đến dự án (Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/đề án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản</b>		

*xuất và đời sống, thành tựu hoạt động và sản xuất kinh doanh khác, ...)*

**6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến dự án:**

- Nhà xưởng:

- Trang thiết bị chủ yếu:

**7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách nhà nước) cho việc thực hiện dự án:**

■ Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: ..... triệu đồng

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**  
(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)

**Mẫu số 02****TÊN CHỦ TRÌ  
DỰ ÁN LIÊN KẾT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**DỰ ÁN LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ****Phần I****GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT****I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:** .....**II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Chủ trì dự án liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp có nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail .....

b) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail .....

c).....

3. Số lượng người dân tham gia liên kết .....

**III. THỜI GIAN, ĐỊA BÀN THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:**

1. Thời gian triển khai: Từ tháng.....năm.....đến tháng.....năm.....

2. Địa bàn thực hiện

**IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT** (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

.....

**Phần II**

**NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT**

**I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:**.....

**II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...

2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

**III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Sản phẩm thực hiện liên kết: .....

2. Quy mô liên kết: .....

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....

4. Hình thức liên kết: .....

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

**IV. NGUỒN VỐN VÀ CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

1. Tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án liên kết:.....đồng.

Trong đó:

a. Vốn của Chủ đầu tư Dự án liên kết:.....đồng

b. Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ:.....đồng

c. Vốn tham gia của bên liên kết:.....đồng

c. Vốn tín dụng ưu đãi:.....đồng

d. Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách khác: .....

2. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

a. Hỗ trợ giống, vật tư (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí, .....

b. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí, .....

c. Chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...).

d. Vật tư xây dựng nhà xưởng, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch; máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sơ chế, chế biến, đóng gói và bảo quản sản phẩm (số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật, dự toán chi phí, .....).

*(đối với máy móc thiết bị cần kèm theo các báo giá)*

đ. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.....đồng.

e. Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm (chi tiết từng chỉ tiêu, nội dung, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...).

g. Xây dựng, quản lý dự án.....đồng (chi tiết từng nội dung, dự toán kinh phí,.....).

h. Các nội dung khác:

*(Kèm theo các giải trình các khoản chi)*

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm) .....

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ .....

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ trì dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết): .....

## **V. DỰ KIẾN KẾT QUẢ, HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án liên kết; đối tượng tham gia.

2. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội).

3. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục).

## **VI. XỬ LÝ VI PHẠM**

Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp chủ đầu tư Dự án vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).





2	....							
3	.....							
	Cộng							

### KHOẢN 3. THIẾT BỊ, MÁY MÓC

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn			
						MTQG	Đối ứng	Tự có	Khác
1	Mua máy móc, thiết bị								
2	Công cụ, dụng cụ								
3	Vận chuyển, lắp đặt								
	<b>Cộng</b>								

### KHOẢN 4. NHÀ XƯỞNG

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn		
			MTQG	Đối ứng	Khác
1	Chi phí vật tư xây dựng ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, phòng nhân giống, nhà kính, nhà lưới, vườn ươm				
2	Chi phí vật tư nâng cấp ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng				
3	Chi phí vật tư, thiết bị khác				
4	Các nội dung khác có liên quan				
	<b>Cộng</b>				

### KHOẢN 5. CÔNG LAO ĐỘNG

TT	Nội dung	Số lượng (người)	Số công (công)	Đơn giá (triệu đồng)	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn		
						MTQG	Đối ứng	Khác
<b>1</b>	<b>Kỹ sư, cử nhân</b>							
1.1	Kỹ sư, cử nhân có chuyên môn tham gia thực hiện							

1.2	.....							
2	<b>Đào tạo kỹ thuật viên của cơ sở thực hiện dự án</b>							
2.1	.....							
2.2	.....							
3	<b>Lao động đơn giản</b>							
3.1	Lao động đơn giản thực hiện công đoạn .....							
3.2	.....							
	<b>Cộng</b>							

### KHOẢN 6. CHI KHÁC

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Kinh phí</i>	<i>Nguồn vốn</i>		
			MTQG	Tự có	Khác
1	<i>Công tác phí</i>				
2	<i>Quản lý cơ sở</i>				
3	<i>Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu</i>				
	Chi phí kiểm tra				
	Chi phí nghiệm thu giai đoạn				
	Chi phí nghiệm thu toàn dự án				
4	<i>Chi khác</i>				
	Xúc tiến thương mại				
	Hội thảo khoa học, đầu bờ				
	Hội nghị				
	Tài liệu, văn phòng phẩm				
	.....				
5	<i>Xây dựng hồ sơ dự án</i>				
6	<i>Viết báo cáo tổng kết dự án</i>				
7	.....				
	<b>Cộng</b>				

**Ghi chú:** Căn cứ các nội dung, mức hỗ trợ tại Điều 5, Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND để giải trình các khoản chi cho phù hợp.

**Mẫu số 03**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BẢN CAM KẾT**

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,  
an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

Kính gửi: (UBND cấp huyện/Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh  
(được phân bổ vốn).....)

Chủ trì dự án liên kết:

Người đại diện theo pháp luật: ..... Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ....., Fax: ..... E-mail: .....

Mã số thuế .....

Sản phẩm liên kết: .....

Loại hình liên kết: .....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực.....mà dự án liên kết triển khai.

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**CHỦ TRÌ LIÊN KẾT  
(Ký tên, đóng dấu)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BẢN THỎA THUẬN**  
**VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

Ngày ..... tháng ..... năm ..... , tại ..... ,  
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ..... , ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... , Fax: ..... E-mail .....
2. Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ..... , ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... , Fax: ..... E-mail .....

3. ....  
Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

**I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....**

**II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT**

1. Địa bàn liên kết: .....
2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....
3. Quy mô liên kết: .....
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

**III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT:** ..... đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: ..... đồng
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: ..... đồng
- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết):  
..... đồng

- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết):  
 ..... đồng

3. Các nguồn vốn khác:

..... đồng

#### **IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT**

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết) .....

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận .....

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành .....bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ .....bản, chủ trì dự án liên kết giữ .....bản./.

#### **Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết**

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

TÊN CƠ QUAN .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Dự án liên kết .....****ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN/ THỦ TRƯỞNG SỞ, NGÀNH,  
ĐƠN VỊ CẤP TỈNH .....***Căn cứ .....**Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;**Căn cứ các văn bản khác có liên quan khác của cấp tỉnh, huyện;**Xét đề nghị của... và báo cáo kết quả thẩm định của....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt Dự án liên kết ..... với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án liên kết:

2. Chủ đầu tư:.....

3. Chủ trì dự án liên kết :

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

4. Tên đại diện bên tham gia liên kết:.....

- Tên đại diện theo pháp luật:.....

- Chức vụ: .....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:....., Fax:.....

5. Số lượng người dân tham gia liên kết : .....

6. Sản phẩm thực hiện Dự án liên kết:.....

7. Quy mô Dự án liên kết:.....

8. Địa điểm thực hiện Dự án liên kết:

9. Thời gian thực hiện:.....

10. Mục tiêu của Dự án:

a. Mục tiêu chung

b. Mục tiêu cụ thể

11. Kinh phí thực hiện Dự án liên kết:

Tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án liên kết:.....đồng.

Trong đó:

a. Vốn của chủ trì dự án liên kết:.....đồng

b. Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ:.....đồng (nêu rõ từng nguồn NSNN như Ngân sách TW..... đồng; ngân sách tỉnh:..... đồng; ngân sách huyện..... đồng).

c. Vốn tham gia của bên liên kết:.....đồng

d. Vốn tín dụng ưu đãi:.....đồng

đ. Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách khác: .....

12. Các nội dung hỗ trợ từ ngân sách

TT	Nội dung hỗ trợ	Tổng vốn thực hiện	Vốn hỗ trợ từ NSNN

13. Kế hoạch đề nghị hỗ trợ: ghi cụ thể theo từng năm.

(Kèm theo Dự án liên kết)

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan, UBND cấp xã (nơi thực hiện Dự án liên kết)....

**Điều 3.** Điều khoản thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở NN&PTNT; Sở .....
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu: ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



**Mẫu số 06**

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-.....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v thành lập Hội đồng và tổ giúp việc Hội đồng thẩm định các hoạt động phát triển sản xuất trong các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn ..... giai đoạn 2022-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THỊ/THÀNH/THỦ TRƯỞNG SỞ,  
NGÀNH, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**

*Căn cứ .....*;

*Căn cứ.....*

*Theo đề nghị của .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng (viết tắt là Hội đồng) và tổ giúp việc Hội đồng thẩm định các hoạt động phát triển sản xuất trong các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn ..... giai đoạn 2022-2025, gồm các thành viên cụ thể sau (*Danh sách theo Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Trách nhiệm của Hội đồng

1. Tổ chức thẩm định các hoạt động phát triển sản xuất trong các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo đúng quy định;

2. Báo cáo kết quả thẩm định cho UBND cấp huyện/Thủ trưởng Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh phê duyệt các dự án đủ điều kiện hỗ trợ;

3.....

**Điều 3.** (quy định tổ chức thực hiện)

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở, ngành liên quan;
- UBND các xã;
- Lưu: VT..

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(*Ký và ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VÀ TỔ GIÚP VIỆC**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-.....)

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng
<b>I</b>	<b>THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG</b>			
1	Ông Nguyễn Văn A	Kỹ sư/thạc sĩ	Phó Chủ tịch UBND huyện/ Lãnh đạo Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh được phân bổ vốn	Chủ tịch Hội đồng
2	Ông Nguyễn Văn B	Thạc sĩ .....	Trưởng phòng .....	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Bà Lê Thị C	Cử nhân kinh tế	Trưởng/phó Phòng....	Ủy viên
4	Mời Bà Lê Thị D	Cử nhân kinh tế	.....	Ủy viên phản biện 1
5	Mời Ông Nguyễn Văn C	Thạc sĩ	.....	Ủy viên phản biện 2
6	Ông Nguyễn Văn D	Tiến sĩ	.....	Ủy viên
<b>II</b>	<b>TỔ GIÚP VIỆC</b>			
1				
2				
...				

*Ghi chú:* Hội đồng, tổ giúp việc tối thiểu 09 người, do UBND cấp huyện/Thủ trưởng Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh Quyết định số lượng cụ thể, trong đó có thể mời các cá nhân, chuyên gia có chuyên môn hoặc lãnh đạo các Sở, ngành liên quan trong các lĩnh vực cần đánh giá để tham gia Hội đồng.



6. Thành viên Hội đồng bỏ Phiếu nhận xét, đánh giá thuyết minh dự án.

Đề xuất thuyết minh dự án được đề nghị "thực hiện" khi có trên 70% thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp đánh giá trong *Phiếu nhận xét và đánh giá* được đánh giá "đạt yêu cầu".

7. Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của Hội đồng (Kèm theo bảng kiểm phiếu). Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu hội đồng thông qua kết luận:

- Những dự án đề nghị thực hiện: .....
- Những dự án đề nghị chưa thực hiện, cần chỉnh sửa để thực hiện năm sau:.....

8. Hội đồng thông qua Biên bản làm việc./.

**Thư ký Hội đồng**  
(Họ, tên và chữ ký)

**Chủ tịch Hội đồng**  
(Họ, tên và chữ ký)

**Mẫu số 08****PHIẾU NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT  
LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ NĂM.....**

<b>Chuyên gia/Ủy viên phản biện</b>	
<b>Ủy viên hội đồng</b>	

**Họ và tên thành viên hội đồng:**

**Tên thuyết minh dự án đề xuất (mỗi dự án 01 phiếu):**

**I. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ**

1.1. Tính cấp thiết của dự án, mục tiêu, giải pháp và đáp ứng các điều kiện hỗ trợ, nguyên tắc, phương thức hỗ trợ và các quy định có liên quan đến hoạt động phát triển sản xuất của các Chương trình MTQG

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1.2. Sự phù hợp với định hướng cơ cấu các ngành kinh tế hoặc cơ cấu lại ngành nông nghiệp, áp dụng KHCN

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1.3. Khả năng liên kết chuỗi, tiêu thụ sản phẩm

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1.4. Các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật cần đạt

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

1.5. Khả năng huy động nguồn kinh phí ngân sách và ngoài ngân sách để thực hiện

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

**II. Ý KIẾN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị không thực hiện

Đề nghị thực hiện

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

**2.1 Dự kiến tên dự án:**

**2.2. Định hướng mục tiêu:**

**2.3. Yêu cầu đối với kết quả:**

....., ngày.... tháng.... năm 20....

**Thành viên Hội đồng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 09**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**  
**LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM**  
 Số: ...../ 20... /HĐSXTT

Căn cứ:

- *Bộ Luật Dân sự năm 2015 ngày 24/11/2015;*

- .....

Hôm nay, ngày... tháng ... năm 20.... tại ....., hai bên gồm:

**BÊN A: DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN .....**

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Mã số thuế: .....

Tài khoản: .....

Do ông/bà: .....

Chức vụ: ..... làm đại diện.

**BÊN B: TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN/NÔNG DÂN.....**

Do ông/bà :..... Chức vụ: ..... làm đại diện.

CMND số:.....ngày cấp .....nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Tài khoản: .....

*Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:*

**Điều 1. Nội dung chính**

1. Bên B đồng ý Hợp đồng (sản xuất/cung cấp dịch vụ/mua/bán/tiêu thụ) .....cho bên A:

- Thời gian : từ ngày..... tháng ..... năm ..... đến ngày.... tháng ..... năm.....

- Qui mô (ví dụ diện tích): ..... (ha).

- Sản lượng dự kiến: ..... (tấn).

- Địa điểm: .....

2. Bên A đồng ý Hợp đồng (sản xuất/cung cấp dịch vụ/mua/bán/tiêu thụ (trả ngay hoặc ghi nợ) cho bên B (sản xuất/cung cấp dịch vụ/mua/bán/tiêu thụ, giống, vật tư phục vụ sản xuất) cụ thể như sau:

Tên sản phẩm	Diện tích sản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
--------------	---------------	----------	---------	------------

	<b>xuất (ha)</b>	<b>(tấn)</b>	<b>(đồng/tấn)</b>	<b>(đồng)</b>
1.				
2.				
Tổng cộng				

3. Nếu bên B tự mua (*tên giống hoặc vật tư, dịch vụ*).....: ..... (*tên giống hoặc vật tư*) mà bên B tự mua phải là loại ..... đạt tiêu chuẩn, chất lượng của giống ....., được sự chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B bán ..... hàng hóa cho bên A:

- Số lượng tạm tính: .....

- Với quy cách, chất lượng, phương thức kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm..... do hai bên đã thỏa thuận được ghi ở Điều 3 dưới đây và với số lượng thực tế khi thu hoạch.

**Điều 2. Tiêu chuẩn chất lượng và quy cách hàng hóa Bên B phải đảm bảo:**

1. Chất lượng hàng..... theo quy định.....

2. Quy cách hàng hóa.....

3. Bao bì đóng gói.....

**Điều 3. Thời gian, địa điểm giao nhận và bốc xếp**

1. Thời gian giao hàng

2. Địa điểm giao, nhận hàng

3. Bốc xếp, vận chuyển, giao nhận

**Điều 4. Giá cả và phương thức thanh toán, địa điểm giao hàng**

1. Giống và vật tư (*áp dụng cho trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B*):

- Giá các loại vật tư, phân bón, công lao động.

- Phương thức thanh toán.

- Thời hạn thanh toán.

2. Sản phẩm hàng hóa

- Tiêu chuẩn: (các tiêu chuẩn sản phẩm hàng hóa phải đạt được).

- Giá nông sản dự kiến (giá trên thị trường tại thời điểm thu hoạch hoặc giá sàn hoặc mức bù giá....).

- Phương thức và thời điểm thanh toán.

3. Địa điểm giao hàng

- Ghi rõ địa điểm bên B giao sản phẩm nông sản hàng hoá cho bên A.

**Điều 5. Trách nhiệm bên A**

- Giới thiệu doanh nghiệp/đơn vị cung cấp vật tư nông nghiệp (*phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn*) cho bên B nếu bên B có nhu cầu.



- Đảm bảo giao giống đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, qui cách và thời hạn đã cam kết (*đối với trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B giống phục vụ sản xuất*)

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách - phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.

- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A (*căn cứ theo lịch điều phối của bên A*).

- Cung cấp bao bì đựng ..... cho bên B (*nếu có yêu cầu*) sau khi đạt được thỏa thuận mua bán giữa hai bên.

- .....

### **Điều 6. Trách nhiệm bên B**

- Bên B phải tuân thủ các qui trình canh tác theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông nghiệp.

- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách về phẩm chất, số lượng (*theo thực tế thu hoạch*), đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.

- Cung cấp cho bên A các thông tin về quá trình canh tác, thời gian thu hoạch, địa điểm giao hàng v.v....

- Lập danh sách hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất trong cánh đồng lớn (*có danh sách kèm theo hợp đồng*).

- .....

### **Điều 7. Về chia sẻ rủi ro bất khả kháng và biến động giá cả thị trường.**

1. Trường hợp phát hiện hoặc có dấu hiệu bất khả kháng thì mỗi bên phải thông báo kịp thời cho nhau để cùng bàn cách khắc phục và khẩn trương cố gắng phòng tránh, khắc phục hậu quả của bất khả kháng. Khi bất khả kháng xảy ra, hai bên phải tiến hành theo đúng các thủ tục quy định của pháp luật lập biên bản về tổn thất của hai bên, có xác nhận của ủy ban nhân dân xã (huyện) nơi xảy ra bất khả kháng để được miễn trách nhiệm khi thanh lý hợp đồng.

- Ngoài ra, Bên A còn có thể thỏa thuận miễn giảm.....% giá trị vật tư, tiền vốn ứng trước cho Bên B theo sự thỏa thuận của hai bên.

2. Trường hợp giá cả thị trường có đột biến gây thua thiệt quá khả năng tài chính của Bên A thì hai bên bàn bạc để Bên B điều chỉnh giá bán nông sản hàng hóa cho Bên A so với giá đã ký tại Điều 1 của hợp đồng này.

- Ngược lại, nếu giá cả thị trường tăng có lợi cho Bên A thì hai bên bàn bạc để Bên A tăng giá mua nông sản cho Bên B.

### **Điều 8. Trách nhiệm vật chất của các bên trong việc thực hiện hợp đồng.**

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng, bên nào không thực hiện đúng, thực hiện không đầy đủ hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bị phạt bồi thường thiệt hại vật chất.

- Mức phạt vi phạm hợp đồng về số lượng, chất lượng, giá cả, thời gian và địa điểm phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận ghi vào hợp đồng.

+ Mức phạt về không số lượng: (.....% giá trị hoặc..... đồng/đơn vị)

+ Mức phạt về không đảm bảo chất lượng:.....

+ Mức phạt về không đảm bảo thời gian.....

+ Mức phạt về sai phạm địa điểm.....

+ Mức phạt về thanh toán chậm.....

### **Điều 9. Xử lý vi phạm**

#### 1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.

#### 2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

### **Điều 10. Điều khoản chung**

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra toà án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng được lập thành ..... bản, mỗi bên giữ ..... bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**HỢP ĐỒNG**

**Thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

Số: .....

*Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ ..... (Ghi Quyết định phê duyệt dự án).*

**CHÚNG TÔI GỒM:**

1. Chủ đầu tư (Bên A): .....

- Do Ông/Bà .....

- Chức vụ: ..... làm đại diện.

- Địa chỉ: .....

2. Bên chủ trì liên kết (Bên B): *(Ghi tên doanh nghiệp, HTX được giao chủ trì thực hiện Dự án liên kết):* .....

- Do Ông/Bà: .....

- Chức vụ: ..... làm đại diện.

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Email:.....

- Số tài khoản: .....

- Tại ngân hàng: .....

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện dự án.....<sup>(1)</sup>  
(sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Giao nhận thực hiện Dự án**

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện Dự án.....theo các nội dung trong Thuyết minh Dự án liên kết chuỗi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh dự án và Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

**Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng**

<sup>(1)</sup> Ghi tên dự án (ví dụ: Dự án phát triển sản xuất cây đậu phụng theo hướng nông nghiệp sạch liên kết theo chuỗi giá trị)

Thời gian thực hiện Dự án là ..... tháng, từ tháng..... năm 20.....đến tháng ..... năm 20.....

**Điều 3.** Kinh phí thực hiện Dự án

1. Tổng kinh phí thực hiện Dự án là ..... (bằng chữ.....), trong đó:  
 - Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ:.....đồng (*nêu rõ từng nguồn như Ngân sách TW..... đồng; ngân sách tỉnh:..... đồng; ngân sách huyện..... đồng*).

- Kinh phí từ nguồn khác: ..... (bằng chữ.....).

c. Vốn tham gia của bên liên kết:.....đồng

c. Vốn tín dụng ưu đãi:.....đồng

d. Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách khác: .....

2. Tiến độ cấp kinh phí:

*Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật và theo đàm phán hợp đồng này.*

**Điều 4.** Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung được phê duyệt;

c) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Dự án của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Dự án theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Dự án.

f) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Dự án của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

g) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

h) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả thực hiện Dự án sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

- k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Dự án sau khi được nghiệm thu;
- l) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- m) Các thỏa thuận khác (nếu có như hồ sơ thanh toán....).

## 2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung của Dự án đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Dự án;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Dự án theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Dự án. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả Dự án.

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

n) Các thỏa thuận khác (nếu có như hồ sơ thanh toán....).

## **Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng**

Dự án đã kết thúc và được nghiệm thu.

Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Dự án là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

1. Bên B bị đình chỉ thực hiện Dự án theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ đề đánh giá, nghiệm thu Dự án theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Dự án không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Dự án mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

### **Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng**

1. Đối với Dự án đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Dự án đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Dự án đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước ....<sup>(2)</sup> tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Dự án nếu do lỗi khách quan hoặc .....<sup>(3)</sup> tổng kinh phí ngân sách nhà đã sử dụng cho Dự án do lỗi chủ quan.

2. Đối với Dự án chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Dự án chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Dự án và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Dự án bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ đề đánh giá, nghiệm thu Dự án theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước ....<sup>(4)</sup> tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Dự án nếu do lỗi khách quan hoặc .....<sup>(5)</sup> tổng kinh phí ngân sách nhà đã sử dụng cho Dự án nếu do lỗi chủ quan.

---

<sup>(2), (5)</sup> Các bên xác định mức bồi hoàn.

<sup>(6) (7)</sup>: Các bên xác định mức bồi hoàn.

4. Đối với Dự án không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Dự án, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng**

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Dự án được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của Dự án sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

#### **Điều 8. Điều khoản chung**

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Dự án.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự).

#### **Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... Hợp đồng này được lập thành .... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ ....bản./.

#### **BÊN A**

*(Chữ ký, ghi rõ họ và tên  
và đóng dấu)*

#### **BÊN B**

*(Chữ ký, ghi rõ họ và tên  
và đóng dấu)*







....., ngày ..... tháng ..... năm 2.....

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN  
KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ NĂM .....**

Số thành viên Hội đồng tham gia bỏ phiếu: ..... thành viên Hội đồng (...../..... thành viên);

TT	Tên dự án	Tổng hợp đánh giá theo các nội dung của các thành viên Hội đồng											
		Nội dung 1 (Tính cấp thiết của dự án, mục tiêu, giải pháp và các điều kiện, nguyên tắc, phương thức hỗ trợ và các quy định của Chương trình MTQG)		Nội dung 2 (Sự phù hợp với định hướng cơ cấu lại kinh tế hoặc cơ cấu lại ngành nông nghiệp, áp dụng KHCN)		Nội dung 3 (Khả năng liên kết chuỗi, tiêu thụ sản phẩm)		Nội dung 4 (Các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật cần đạt)		Nội dung 5 (Khả năng huy động nguồn kinh phí ngân sách và ngoài ngân sách để thực hiện)		Kết luận chung	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Thực hiện	Không thực hiện
1	Dự án A	(mấy phiếu/tổng số phiếu)											
2	Dự án B												
3	Dự án C												

**Thành viên Ban kiểm phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Trưởng Ban kiểm phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Mẫu số 11****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN .....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày ..... tháng ...năm 20.....

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt danh mục dự án phát triển sản xuất trong  
các Chương trình MTQG giai đoạn 2022-2025****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THỊ/THÀNH .....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy  
định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND  
tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự  
án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất  
thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai  
đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc  
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân  
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến  
năm 2025;*

*Căn cứ.....*

*Xét đề nghị của .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục các dự án phát triển sản xuất trong các  
Chương trình MTQG giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố  
....., tỉnh Quảng Nam (có Danh mục dự án được phê duyệt kèm theo Phụ  
lục kèm theo).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Phòng Dân tộc, Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế, Phòng Lao động,  
Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính Kế hoạch huyện, UBND các xã và các  
đơn vị có liên quan căn cứ danh mục các dự án phát triển sản xuất được phê

duyet tại Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định và tổng hợp báo cáo UBND huyện/thị xã/thành phố theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả Dự án.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện, Trưởng phòng: Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế, Dân tộc, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài chính Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc huyện, Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ngành liên quan ở tỉnh;
- TTHU, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CPVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GIAI ĐOẠN 2022-2025**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /20.....*  
*của UBND huyện .....*)

STT	Tên dự án	Mục tiêu/Yêu cầu	Chủ đầu tư	Nội dung	Đối tượng thực hiện	Phạm vi thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Ví dụ; Dự án Sản xuất lúa giống hàng hóa	Tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ lúa giống hàng hóa	Ví dụ: Phòng NN và PTNT	- Nâng cấp, củng cố chuỗi đã có - Hỗ trợ vật tư thiết yếu; tập huấn kỹ thuật	Ví dụ: HTX A liên kết với 35 hộ dân	Ví dụ: Trên địa bàn xã B	Ví dụ: 2022
2	Ví dụ: Dự án liên kết chăn nuôi heo đen	Liên kết chăn nuôi và tiêu thụ Sa nhân	Ví dụ: UBND xã A	- Nâng cấp, củng cố chuỗi đã có - Hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu; tập huấn kỹ thuật...	Ví dụ: Doanh nghiệp C liên kết với 20 hộ dân	Ví dụ: Trên địa bàn xã E	2023-2024
3	Ví dụ: Dự án liên kết sản xuất cam	Liên kết trồng cây cam và tiêu thụ sản phẩm	Ví dụ: Phòng Dân tộc	- Nâng cấp, củng cố chuỗi mới - Hỗ trợ vật tư thiết yếu; tập huấn kỹ thuật, bao bì, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, máy phân loại...	Ví dụ: Doanh nghiệp C liên kết với 45 hộ dân	Ví dụ: Trên địa bàn xã E và xã G (liên xã)	2023-2025
.....							

**Phụ lục II**  
**TRÌNH TỰ THỦ TỤC, MẪU HỒ SƠ THỰC HIỆN DỰ ÁN**  
**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 18/11/2022*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

**I. TRÌNH TỰ THỦ TỤC**

**1. Bước 1: Xây dựng dự án**

- Tuyên truyền, phổ biến dự án sẽ được tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn:

+ Đối tượng thực hiện: UBND xã, thị trấn (cấp xã), Trưởng thôn.

+ Đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); ưu tiên hộ nghèo là dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo; hộ dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

+ Cách thức tiến hành: Thông báo bằng văn bản đến các đối tượng hưởng chính sách, có đủ điều kiện tham gia dự án hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức họp lấy ý kiến về nội dung dự án và lập danh sách đối tượng tham gia dự án: Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với UBND cấp xã/cơ quan được giao vốn (nếu vốn được giao cho các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh hoặc Phòng, ban cấp huyện làm chủ đầu tư) nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án và lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án. Ưu tiên xây dựng các dự án có nhiều người dân đề xuất.

Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án bao gồm: Biên bản họp dân; dự án sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ, nhóm; kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng; trách nhiệm giám sát của UBND cấp xã đối với việc quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển; nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; nội dung khác (nếu có) theo quy định về nội dung, mức hỗ trợ.

**2. Bước 2: Thẩm định dự án**

Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án sản xuất đến UBND cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình UBND cấp huyện/Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (được phân bổ vốn) thẩm định.

Thành phần hồ sơ đề xuất: (i) Tờ trình của UBND xã; (ii) Biên bản họp dân; (iii) Dự án phát triển sản xuất cộng đồng.

UBND cấp huyện/Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (được phân bổ vốn) thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm:

+ Đối với Tổ thẩm định ở Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (nếu vốn giao cho Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh là chủ đầu tư): Tổ trưởng là lãnh đạo Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (được phân bổ vốn), thành viên là lãnh đạo UBND cấp huyện (hoặc đại diện lãnh đạo Phòng chuyên môn cấp huyện có liên quan); lãnh đạo UBND cấp xã nơi có dự án sản xuất của cộng đồng; đại diện các Sở, ngành có liên quan: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

+ Đối với Tổ thẩm định cấp huyện: Tổ trưởng là lãnh đạo UBND cấp huyện, thành viên là lãnh đạo UBND cấp xã nơi có dự án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

UBND cấp huyện/Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (được phân bổ vốn) có thể sử dụng Hội đồng thẩm định dự án liên kết theo chuỗi giá trị để thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Trong vòng 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của UBND cấp xã, UBND cấp huyện/Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (được phân bổ vốn) phải tổ chức họp thẩm định dự án sản xuất cộng đồng.

Nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị dự án phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định sau đây: (i) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ; dự án thực hiện phải xác định được đầu ra của sản phẩm; kết quả về chỉ số tạo việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng tham gia dự án. (ii) Cộng đồng dân cư có đảm bảo theo quy định. (iii) Tổ, nhóm cộng đồng có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi hay không; (iv) Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án. (v) Đảm bảo các nội dung khác có liên quan theo quy định tại Quyết định này (như nguyên tắc, phương thức, điều kiện hỗ trợ, nội dung, mức hỗ trợ.....).

### **3. Bước 3: Phê duyệt dự án**

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện/thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (được phân bổ vốn) quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

Nội dung quyết định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng gồm: Tên dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, trong đó cần nêu rõ cơ cấu các nguồn ngân sách nhà nước các cấp, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)...); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp huyện/thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (được phân bổ vốn) quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Chủ tịch UBND cấp huyện có thể ủy quyền (ủy quyền bằng Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện) cho Chủ tịch UBND cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc UBND cấp huyện quyết định phê duyệt dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất sau khi có ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định cấp huyện.

**4. Bước 4.** Cơ quan, đơn vị được giao vốn (chủ đầu tư) thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng ký hợp đồng với đại diện cộng đồng dân cư triển khai thực hiện dự án; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án cộng đồng theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

**5. Bước 5.** Nghiệm thu, đánh giá kết quả, hiệu quả dự án và thanh lý hợp đồng theo quy định.

## **II. MẪU HỒ SƠ DỰ ÁN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

**Mẫu số 12:** Biên bản họp dân

Mẫu số 13: Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Mẫu số 14: Quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng

Mẫu số 15: Hợp đồng thực hiện dự án

(được sử dụng các Mẫu có liên quan của dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị tại Phụ lục I để chỉnh sửa, áp dụng cho dự án phát triển sản xuất cộng đồng).





**Mẫu số 13**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Địa danh , ngày ..... tháng ..... năm .....*

**TÊN DỰ ÁN:.....**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ ÁN**

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025;

- Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Thông tư số 04/2022/TT-BNN&PTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 -2025.

- Căn cứ Quyết định số.....về phân bổ kế hoạch kinh phí năm .....triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia.....

- Căn cứ.....

- Căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật:.....

**II. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

**1. Đại diện cộng đồng dân cư**

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Địa chỉ: .....

- Số CMND hoặc CCCD:.....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**2. Địa bàn thực hiện:.....**

(Các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; huyện nghèo và các xã còn lại).

**3. Đối tượng tham gia**

- Số lượng hộ gia đình tham gia dự án:.....

(Phân theo từng loại đối tượng được quy định theo các chương trình mục tiêu quốc gia gồm: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết

tật (không có sinh kế ổn định); người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn do cộng đồng bình chọn).

#### 4. Mục tiêu dự án

a) Mục tiêu chung: Thay đổi tư duy, tập quán sản xuất của người dân để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất và phát triển nông nghiệp bền vững; đổi mới cách thức sản xuất, ứng dụng, chuyển giao khoa học, kỹ thuật và sản xuất theo chuỗi giá trị; đảm bảo an ninh lương thực cho người dân.

b) Mục tiêu cụ thể: giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giảm số hộ nghèo...

5. Thời gian triển khai thực hiện dự án (nhưng không quá 3 năm):  
Năm.....

## II. NỘI DUNG DỰ ÁN

### 1. Các hoạt động dự án (căn cứ các nội dung hỗ trợ để xây dựng các hoạt động của dự án)

- Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình bồi dưỡng, tập huấn...): .....

- Hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ,...): .....

- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm: .....

- Tham quan học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao: .....

- Các hoạt động khác có liên quan dự án.....

- Xây dựng, quản lý dự án: .....

### 2. Kinh phí thực hiện dự án

TT	Nội dung/hoạt động dự án	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Trong đó			
					NSNN			Đối ứng của dân
					TW	Tỉnh	Huyện, Xã	
I	Hỗ trợ sản xuất							
1	Hỗ trợ giống							
-	Trồng trọt							
-	Chăn nuôi							
-	Lâm nghiệp							
-	Thủy sản							
-	Nấm							

-	.....							
2	Hỗ trợ vật tư (thức ăn, thuốc, phân bón,...)							
-	Thức ăn, thuốc, phân bón, hỗ trợ chế phẩm sinh							
-	.....							
3	Hỗ trợ khác							
-	Hỗ trợ nguyên liệu							
-	Công cụ, dụng cụ							
-	Trang thiết bị							
-	.....							
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ tập huấn</b>							
1	Tập huấn về chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật							
-	Tập huấn truy xuất nguồn gốc....							
-	Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên							
-	.....							
2	Hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án							
-	Hỗ trợ tham quan học tập (địa điểm, số người)							
	.....							
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ</b>							
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ</b>							
<b>V</b>	<b>Các nội dung khác có liên quan</b>							

<b>VI</b>	<b>Kiểm tra, tổng kết, quản lý</b>							
1	Kiểm tra, chỉ đạo							
2	Sơ kết, tổng kết							
3	Quản lý dự án							
	<b>Tổng cộng</b>							

*(Tùy điều kiện của dự án, các đơn vị, địa phương căn cứ các nội dung, mức hỗ trợ tại khoản 6 Điều 1 Quyết định này để xây dựng các nội dung, hoạt động dự án cho phù hợp).*

b) Nguồn huy động khác: (như vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách, hỗ trợ của tổ chức quốc tế (nếu có...) ....)  
(ghi các nội dung hỗ trợ cụ thể)

**3. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng một phần vốn trong cộng đồng (nếu có).**

- Tỷ lệ hoặc mức quay vòng hoặc hiện vật:
- Hình thức, trình tự luân chuyển.
- Cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển.

### **III. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC DỰ ÁN**

1. Hiệu quả về mặt xã hội.
2. Hiệu quả về kinh tế.
3. Khả năng nhân rộng
4. Kết quả đầu ra sản phẩm của dự án
5. Hiệu quả khác (nếu có).

### **IV. CHẾ TÀI XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP VI PHẠM CAM KẾT (NẾU CÓ)**

Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp chủ đầu tư, cộng đồng dân cư và các đối tượng khác tham gia dự án vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Trách nhiệm của cộng đồng dân cư

.....

### **VI. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

1. Hợp dân thống nhất dự án (Từ tháng....năm ....đến tháng....năm.....)
2. Hoàn thiện và trình phê duyệt dự án (Từ tháng....đến tháng....năm.....)
3. Tổ chức thực hiện dự án (Từ tháng.....đến tháng.....năm.....)
4. Đánh giá kết quả thực hiện dự án (theo tiến độ quý, 6 tháng, năm)

### **VII. CÁC NỘI DUNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN**

Ngoài các nội dung nêu trên, đại diện cộng đồng xây dựng dự án có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án và phù hợp với điều kiện thực tế; các kiến nghị đề xuất có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

*(ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 14**

TÊN CƠ QUAN..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
.....  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN/ THỦ TRƯỞNG SỞ, NGÀNH,  
ĐƠN VỊ CẤP TỈNH .....**

*Căn cứ.....*

*Căn cứ Quyết định giao vốn số.....*

*Căn cứ văn bản của tổ thẩm định dự án.....*

*Căn cứ.....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1: Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, với các nội dung chính**

1. Tên dự án: .....
2. Thời gian triển khai dự án: .....
3. Địa điểm thực hiện dự án: .....
4. Đối tượng tham gia dự án:.....
5. Các hoạt động của dự án.....
6. Kinh phí thực hiện dự án (**ngân sách nhà nước hỗ trợ, trong đó cần nêu rõ nguồn ngân sách các cấp như NSTW, NS tỉnh, huyện, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có).**)
7. Hình thức quay vòng (nếu có):.....
8. Hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án.....
9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp.....
10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).....

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan.....

**Điều 3.** Điều khoản thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- ... ..;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu: ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Mẫu số 15**

**TÊN CƠ QUAN THỰC HIỆN**  
**(CHỦ ĐẦU TƯ)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../HD-CQ

....., ngày tháng năm.....

**HỢP ĐỒNG**

**Thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

*Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày ..... tháng..... năm.....;*  
*Căn cứ Quyết định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm..... cho cơ quan, đơn vị..... thực hiện Chương trình MTQG.....;*  
*Căn cứ quy định liên quan;*  
*Căn cứ Quyết định về việc phê duyệt dự án sản xuất cộng đồng.....*

Hôm nay, ngày .....tháng ..... năm.....

Tại:.....

Chúng tôi gồm có:

**BÊN A: ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO VỐN (CHỦ ĐẦU TƯ)**

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Tài khoản:.....

Do Ông (Bà):..... Chức vụ: Thủ trưởng cơ quan

Ông (Bà):..... Chức vụ: Phụ trách kỹ thuật/chuyên

môn

Ông (Bà):..... Chức vụ: PT. Kế toán

Đại diện cho cơ quan được giao vốn thực hiện dự án sản xuất cộng đồng.

**BÊN B: ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG (TỔ, NHÓM) THAM GIA DỰ ÁN**

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

CMND hoặc CCCD số:....., ngày cấp:....., nơi cấp:.....

Do ông (bà):..... Chức vụ: Đại diện nhóm hộ; THT/BPTT/.....

Đại diện cho tổ, nhóm cộng đồng tham gia dự án.

Trên cơ sở thoả thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng năm.....với các điều khoản như sau:

**Điều 1. Nội dung hợp đồng**



Bên A hỗ trợ kinh phí để Bên B triển khai thực hiện các nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

1. Tên dự án:.....
2. Qui mô:.....(con/cây...)/.....hộ/.....điểm (thôn, xã)
3. Địa điểm:.....
4. Thời gian thực hiện: Từ ngày...tháng...năm...đến ngày...tháng...năm....
5. Kinh phí hỗ trợ: Gồm giống, vật tư và chi phí triển khai dự án..... đồng
- 5.1. Giống (Nhà nước hỗ trợ.....%):.....đồng
- 5.2. Vật tư, công cụ, thiết bị... (Nhà nước hỗ trợ.....%):.....đồng
- 5.3. Tập huấn kỹ thuật (lần):.....đồng
- 5.4. Sơ kết, tổng kết:.....đồng
- 5.5. Quản lý dự án:.....đồng
- 5.6. Các nội dung khác:.....đồng
- Tổng cộng:..... đồng**  
(*Bằng chữ: .....*)

## **Điều 2. Trách nhiệm của bên A**

1. Cung cấp định mức KTKT, hướng dẫn, theo dõi bên B thực hiện dự án.
2. Cử cán bộ trực tiếp xuống cơ sở để chỉ đạo, theo dõi thực hiện dự án (Cán bộ phải có bằng cấp chuyên môn về dự án).
3. Phối hợp tổ chức tập huấn kỹ thuật, hội thảo, sơ kết, tổng kết dự án, kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án để giải ngân theo tiến độ và lập biên bản để lưu vào hồ sơ của 02 bên.
4. Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Điều 1 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung được phê duyệt.

## **Điều 3. Trách nhiệm của bên B**

1. Sử dụng giống, vật tư, công cụ, dụng cụ, thiết bị hỗ trợ theo đúng mục đích, yêu cầu về kỹ thuật, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, dự án triển khai phải đạt hiệu quả và cộng đồng trong dự án có thể mở rộng sản xuất.
2. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn kỹ thuật, hội thảo, hội nghị sơ kết, tổng kết do các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức. Cung cấp số liệu triển khai thực hiện dự án để bên A lập báo cáo tiến độ, báo cáo kết quả triển khai dự án khi kết thúc; lưu ý phải có báo cáo kịp thời những diễn biến bất thường (dịch bệnh, thời tiết, thiên tai...) để hai bên cùng phối hợp xử lý.
3. Trích nộp một phần kinh phí theo thỏa thuận bằng tiền hoặc hiện vật (*Bằng chữ: .....*) để thực hiện quay vòng vốn dự án (nếu có);  
Cộng đồng nộp vào tài khoản sau:

- Tên tài khoản: Do cộng đồng đề xuất, trường hợp cộng đồng không thực hiện được thì chuyển về tài khoản của UBND xã nơi có dự án để quản lý thực hiện.

- Số tài khoản:..... Tại Kho bạc .....

Riêng phần kinh phí đối ứng bằng tiền hoặc hiện vật của cộng đồng (ghi cụ thể) để thực hiện dự án, phải có sự giám sát của chủ đầu tư dự án.

4. Tổ, nhóm hộ ký kết hợp đồng với doanh nghiệp, cơ sở thu mua tiêu thụ sản phẩm sản xuất ra (khi đến thời điểm thu hoạch).

#### **Điều 4. Thanh lý hợp đồng**

1. Cơ sở thanh lý hợp đồng là các biên bản nghiệm thu tại cộng đồng trực tiếp thực hiện dự án.

2. Các chứng từ thanh toán theo qui định hiện hành.

#### **Điều 5. Những thỏa thuận khác**

1. Trường hợp gặp rủi ro bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh hoặc những yếu tố khách quan khác) thì bên B phải kịp thời đánh giá thiệt hại, lập biên bản và báo cáo cho bên A để cùng giải quyết.

2. Trường hợp dự án không thực hiện đúng hoặc không đảm bảo yêu cầu của hợp đồng thì bên A sẽ thu hồi lại toàn bộ hoặc một phần kinh phí trên cơ sở các biên bản kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá để triển khai thực hiện dự án tiếp theo.

#### **Điều 6. Cam kết chung**

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có gì khó khăn vướng mắc, hai bên phải gặp nhau để cùng bàn bạc, giải quyết. Bên nào tự ý làm sai sẽ phải chịu bồi thường theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 08 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 04 bản bên B giữ 04 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Phụ lục III**  
**TRÌNH TỰ THỦ TỤC, MẪU HỒ SƠ THỰC HIỆN DỰ ÁN**  
**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO NHIỆM VỤ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của*  
*Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

## I. TRÌNH TỰ THỦ TỤC

### 1. Xây dựng, phê duyệt dự án

a) Đối với dự án cấp tỉnh thực hiện: Sở, ngành, đơn vị được giao kinh phí trong các chương trình mục tiêu quốc gia giao cho đơn vị được giao nhiệm vụ trực thuộc chủ trì thực hiện dự án tiến hành khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình thực hiện, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai; trình Thủ trưởng Sở, ngành quyết định phê duyệt dự án.

Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đơn vị được giao nhiệm vụ, Thủ trưởng Sở, ngành phải thẩm định và quyết định phê duyệt dự án. Trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Đối với dự án cấp huyện thực hiện: UBND cấp huyện giao cho đơn vị được giao nhiệm vụ trực thuộc chủ trì thực hiện dự án tiến hành khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình thực hiện, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai; trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt dự án.

Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đơn vị được giao nhiệm vụ, Chủ tịch UBND cấp huyện phải thẩm định và quyết định phê duyệt dự án. Trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

### 2. Tổ chức thực hiện

Quy trình, thủ tục về ký hợp đồng, giao nhiệm vụ và nghiệm thu, thanh toán hợp đồng, kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định của Chính phủ và của UBND tỉnh về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Đơn vị được giao nhiệm vụ (đơn vị chủ trì thực hiện dự án) tổ chức thực hiện, thanh toán các nội dung có liên quan theo dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt theo đúng các quy định hiện hành. Được vận dụng quy trình thực hiện các dự án khuyến nông để tổ chức thực hiện hỗ trợ sản xuất giao nhiệm vụ.

## II. MẪU HỒ SƠ

- Mẫu số 16:** Mẫu Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ
- Mẫu số 17: Mẫu phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.
- Mẫu số 18: Mẫu quyết định giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong Chương trình MTQG.



**Mẫu số 17**

**CƠ QUAN GIAO NHIỆM VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Dự án .....**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN GIAO NHIỆM VỤ**

*Căn cứ liên quan;*

*Căn cứ Quyết định giao nhiệm vụ.....*

*Xét đề nghị của.....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án ..... với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đơn vị thực hiện: .....
2. Loại mô hình/dự án: .....
3. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến kết quả đầu ra và số hộ thoát nghèo): .....
4. Đối tượng tham gia: .....
5. Thời gian triển khai: .....
6. Địa bàn thực hiện: .....
7. Nội dung thực hiện: .....
8. Kinh phí thực hiện: .....  
*(nêu rõ chi tiết các kinh phí để thực hiện các nội dung liên quan)*
9. Kế hoạch, lộ trình triển khai: .....
10. Tổ chức thực hiện: .....
11. Các nội dung liên quan khác .....

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan

**Điều 3.** Điều khoản thi hành

*Nơi nhận:*

– Như Điều 3;

- .....

– Các cơ quan có liên quan;

– Lưu: ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

## Mẫu số 18

CƠ QUAN GIAO NHIỆM  
VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng  
kinh phí ngân sách nhà nước trong Chương trình mục tiêu quốc gia**

### THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN GIAO NHIỆM VỤ

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên Căn cứ Quyết định... quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị ...*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ ... Nghị quyết số ...../2022/NQ-HĐND ngày...../10/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Quyết định về giao dự toán ngân sách .... ..*

*Xét đề nghị của .....*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước năm... từ Chương trình MTQG.... cho đơn vị sự nghiệp công lập....., với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án hỗ trợ sản xuất theo nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia....
2. Dự kiến số dự án:.....
3. Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành: .....
4. Dự toán kinh phí giao nhiệm vụ, trong đó chi tiết theo các nguồn sau:  
(*nêu rõ nguồn vốn được giao*)
5. Phương thức thanh toán, quyết toán:.....
6. Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm:.....
7. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công:.....;

*(Ngoài ra, có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật)*

\* Ngoài các nội dung giao nhiệm vụ nêu trên, có thể bổ sung một số nội dung khác về giao nhiệm vụ để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo nội dung giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

8. Đề nghị đơn vị..... tiến hành khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai trình Thủ trưởng cơ quan giao nhiệm vụ phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

**Điều 2:** Căn cứ nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, Thủ trưởng đơn vị... thực hiện theo đúng nội dung giao nhiệm vụ tại Điều 1 Quyết định này, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, quy định của các Chương trình mục tiêu quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Thủ trưởng đơn vị ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Chữ ký, dấu)*

**Họ và tên**

**Phụ lục IV**  
**TRÌNH TỰ THỦ TỤC, MẪU HỒ SƠ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC**  
**HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KHÁC**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 18/11/2022*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

## **I. TRÌNH TỰ THỦ TỤC**

1. Đối với chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất

UBND cấp huyện giao Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế căn cứ quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch có liên quan để điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm; thuê chuyên gia xây dựng đề án, dự án, kế hoạch, làm cơ sở để định hướng trong chỉ đạo, hỗ trợ (cần có kế hoạch/dự án/đề án chung trên toàn huyện để làm căn cứ chỉ đạo, hỗ trợ). Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm để tổ chức thực hiện.

Tổ chức/cá nhân (gọi tắt là cơ sở) thuê tư vấn để lập các hồ sơ có liên quan và gửi giấy đăng ký đến Cơ quan cấp mã số vùng trồng. Nội dung thực hiện, quy trình thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT V/v ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc cấp mã số vùng trồng.

Sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền cấp mã số vùng trồng, Tổ chức/cá nhân gửi hồ sơ, chứng từ có liên quan đến UBND cấp huyện (qua Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế) để tổng hợp, thẩm tra trình UBND cấp huyện phê duyệt chi phí hỗ trợ.

Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ (ghi rõ tên tổ chức/cá nhân, người đại diện, địa chỉ, tài khoản, số kinh phí đề nghị hỗ trợ) kèm theo Giấy chứng nhận cấp mã số vùng trồng (Bản sao có chứng thực) và các hồ sơ có liên quan để xác định chi phí (Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính, chứng từ liên quan chứng minh chi phí thực hiện).

Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân, UBND cấp huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ và chi hỗ trợ cho tổ chức/cá nhân theo đúng quy định.

2. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

UBND cấp huyện giao cho Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành khảo sát, xây dựng dự án hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại (mỗi đối tượng hỗ trợ xây dựng 01 dự án), bao gồm: chủ đầu tư, mục tiêu, đối tượng nhận hỗ trợ, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung hỗ trợ (*ưu tiên hỗ trợ máy móc cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo quy hoạch, ưu tiên đối với các sản phẩm chủ lực, sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản và hỗ trợ*



*máy móc, thiết bị đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản quy mô vừa và nhỏ để tiêu thụ các nông sản truyền thống, sản phẩm đặc sản của địa phương), kinh phí, kế hoạch triển khai, đối ứng của các đối tượng hưởng lợi; trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt dự án.*

Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế, Chủ tịch UBND cấp huyện phải tổ chức thẩm định và quyết định phê duyệt dự án. Trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Trên cơ sở đó, Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế tổ chức thực hiện các thủ tục hỗ trợ sau đầu tư (*nghiệm thu, bàn giao và chi hỗ trợ, trong đó đối với hỗ trợ máy móc, thiết bị có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên thì ngoài hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, trong hồ sơ cần có chứng thư thẩm định giá của đơn vị có thẩm quyền; đối với trường hợp mua sắm máy móc thiết bị có giá trị từ 10 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng cần có 3 báo giá cạnh tranh*).

Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 1 Quyết định này.

3. Chi hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

a) Chi hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn

UBND cấp huyện giao cho Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành khảo sát, xây dựng dự án phát triển ngành nghề nông thôn (mỗi đối tượng hỗ trợ xây dựng 01 dự án), bao gồm: chủ đầu tư, mục tiêu, đối tượng nhận hỗ trợ, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung hỗ trợ, kinh phí, kế hoạch triển khai, đối ứng của các đối tượng hưởng lợi; trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt dự án.

Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế, Chủ tịch UBND cấp huyện phải tổ chức thẩm định và quyết định phê duyệt dự án. Trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Trên cơ sở đó, Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế tổ chức thực hiện các thủ tục hỗ trợ. Riêng hỗ trợ mua máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất là hỗ trợ sau đầu tư (*nghiệm thu, bàn giao và chi hỗ trợ, trong đó đối với hỗ trợ máy móc, thiết bị có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên thì ngoài hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, trong hồ sơ cần có chứng thư thẩm định giá của đơn vị có thẩm quyền; đối với trường hợp mua sắm máy móc thiết bị có giá trị từ 10 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng cần có 03 báo giá cạnh tranh*).

Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 1 Quyết định này.

b) Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn (dự án thí điểm liên kết theo chuỗi giá trị làng nghề):

UBND cấp huyện chọn một số làng nghề có tiềm năng phát triển để xây dựng dự án thí điểm liên kết theo chuỗi giá trị làng nghề (Dự án bảo tồn và phát

triển làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ; bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch; bảo tồn và phát triển nghề truyền thống gắn với xây dựng thương hiệu; ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề).

Trình tự, thủ tục vận dụng thực hiện theo các bước tại mục I Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

## **II. MẪU HỒ SƠ**

1. Đối với chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất:

Mẫu giấy đăng ký, biên bản kiểm tra, giám sát vùng trồng và mẫu cấp giấy xác nhận mã số vùng trồng: Thực hiện theo Phụ lục kèm theo tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT V/v ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT (nếu có).

2. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại; chi hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn:

Vận dụng mẫu dự án, mẫu phê duyệt dự án theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

3. Hỗ trợ phát triển tiêu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

- Chi hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn:

Vận dụng mẫu dự án, mẫu phê duyệt dự án theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

- Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn: Vận dụng các mẫu có liên quan kèm theo Phụ lục I Quyết định này./.

**Phụ lục V**  
**ĐỊNH HƯỚNG MỘT SỐ DỰ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI**  
**TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2022-2025**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 18/11/2022*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

**1. Dự án trong trồng trọt**

- Dự án liên kết trồng giỏi ăn hạt, măng cụt, quế, cam, bưởi (các dự án ưu tiên phát triển).
- Dự án sản xuất rau/củ/quả (rau, chuối, xoài, dứa,...) theo hướng hữu cơ/tiêu chuẩn VietGAP, gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo sản phẩm sạch, an toàn.
- Dự án liên kết lúa giống theo chuỗi giá trị (không thực hiện đối với lúa thuần hàng hóa).
- Dự án Phát triển cây ăn quả trong kinh tế vườn, kinh tế trang trại theo hướng an toàn, bền vững gắn với liên kết sản xuất, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa.
- Dự án liên kết trồng cây dược liệu theo thể mạnh của từng địa phương.

**2. Dự án trong chăn nuôi**

- Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt cao sản chuyên canh, theo hướng nâng cao giá trị và theo hướng giảm thiểu phát thải; bò BBB.
- Dự án nuôi lợn áp dụng các biện pháp an toàn sinh học, nuôi gia cầm theo hướng hữu cơ (canh tác tự nhiên).
- Dự án nuôi heo đen địa phương, heo cỏ.

**3. Dự án trong lâm nghiệp**

- Dự án phát triển trồng rừng gỗ lớn gắn với xây dựng chứng chỉ rừng bền vững.
- Dự án phát triển trồng cây dược liệu dưới tán rừng, kết hợp bảo vệ rừng bền vững.

**4. Dự án trong thủy sản**

- Dự án nuôi tôm, ốc, nuôi cá liên kết theo chuỗi giá trị.
- Nuôi cá nước ngọt trên lòng hồ hồ thủy điện, trên sông.
- Phát triển nuôi các đối tượng thủy đặc sản, đặc hữu của địa phương có giá trị kinh tế cao; nuôi các đối tượng thủy sản mặn, lợ tại vùng ven biển, gắn với tiêu thụ sản phẩm.

**5. Dự án trong sản xuất nấm**

Các dự án trồng nấm theo chuỗi giá trị, ưu tiên các loại nấm dược liệu.

## **6. Các dự án nông nghiệp chuyển đổi số, nông nghiệp công nghệ cao, phát triển sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu**

### **7. Dự án Hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất**

- Các dự án cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ.

- Dự án hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

### **8. Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

Thực hiện các dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

### **9. Cơ giới hóa, hỗ trợ máy móc thiết bị**

- Dự án hỗ trợ cơ giới hóa một số khâu trong sản xuất nông nghiệp ở các vùng quy hoạch sản xuất tập trung.

- Dự án hỗ trợ máy móc, thiết bị đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản quy mô vừa và nhỏ để tiêu thụ các nông sản truyền thống, sản phẩm đặc sản của địa phương.

### **10. Ngành nghề nông thôn**

- Các dự án phát triển ngành nghề nông thôn (*trong đó ưu tiên các dự án trong chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; sản xuất đồ gỗ, mây tre đan; cơ khí nhỏ; sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh*).

- Dự án bảo tồn và phát triển làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ.

- Dự án bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch.

- Dự án bảo tồn và phát triển nghề truyền thống gắn với xây dựng thương hiệu.

- Dự án ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề./.